

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1856** /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **06** tháng **10** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Kạn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 477/QĐ-BXD ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc sở Xây dựng tỉnh Bắc Kạn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới; được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ thuộc thẩm

quyền quản lý và giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Kạn (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế được đăng tải trên Công Dịch vụ công tỉnh Bắc Kạn tại chuyên mục “Thủ tục hành chính” tại địa chỉ: “dichvucong.backan.gov.vn”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của các thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.!

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (T/h);
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CNTT&TT;
- Lưu: VT, NCPC (Văn).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Bình

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ VÀ BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH BẮC KẠN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **1856**/QĐ-UBND ngày **06** tháng **10** năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn)

I. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Dịch vụ công trực tuyến	Bru chính công ích (BCCI)
I	Lĩnh vực hoạt động xây dựng							
1	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	20 ngày đối với trường hợp gia hạn chứng chỉ hành nghề kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ http://dichvucong.backan.gov.vn . - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua BCCI tại địa chỉ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn, địa chỉ: Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.	Sở Xây dựng	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.	Mức 4	X
2	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III	10 ngày đối với trường hợp gia hạn chứng chỉ năng lực kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ						

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Dịch vụ công trực tuyến	Bưu chính công ích (BCCI)
II	Lĩnh vực nhà ở							
3	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP							
4	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	45 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ http://dichvucong.backan.gov.vn . - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua BCCI tại địa chỉ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn, địa chỉ: Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.	- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.	Không	Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở.	Mức 4	X
5	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trồng trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP							

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Dịch vụ công trực tuyến	Bưu chính công ích (BCCI)
III	Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng							
6	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	14 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ http://dichvucong.backan.gov.vn . - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua BCCI tại địa chỉ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn, địa chỉ: Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.	- Cơ quan thực hiện: Sở xây dựng. - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: UBND tỉnh.	Không	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.	Mức 4	X
7	Cho ý kiến về việc các công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	14 ngày kể từ ngày tiếp nhận báo cáo kết quả thực hiện công việc của Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình						

II. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Số hồ sơ thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
I	Lĩnh vực kinh doanh Bất động sản			
1	1.002643.000.00.00.H03	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư	Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở	Sở Xây dựng; UBND tỉnh
2	1.002630.000.00.00.H03	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư		
II	Lĩnh vực nhà ở			
3	1.007748.000.00.00.H03	Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở	Sở Xây dựng
4	1.007764.000.00.00.H03	Thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước		
5	1.007766.000.00.00.H03	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước		
6	1.007767.000.00.00.H03	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở và Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	

III. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

STT	Số hồ sơ thủ tục Hành chính	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung thay thế	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
I	Lĩnh vực hoạt động xây dựng				
1	1.006930.000.00.00.H03	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 5 Điều 10 của Nghị định 59 được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42, Khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.	Các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban quản lý các Khu công nghiệp
2	1.006940.000.00.00.H03	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Khoản 9, 10 và 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở		

STT	Số hồ sơ thủ tục Hành chính	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung thay thế	Cơ quan thực hiện
3	1.006949.000.00.00.H03	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	<p>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>- Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.</p>	Sở Xây dựng; Ban quản lý các Khu công nghiệp
4	1.007145.000.00.00.H03	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		
5	1.007187.000.00.00.H03	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín		

STT	Số hồ sơ thủ tục Hành chính	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung thay thế	Cơ quan thực hiện
		tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		
6	1.007197.000.00.00.H03	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.	Sở Xây dựng; Ban quản lý các Khu công nghiệp
7	1.007203.000.00.00.H03	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		

STT	Số hồ sơ thủ tục Hành chính	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung thay thế	Cơ quan thực hiện
8	1.007207.000.00.00.H03	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	<p>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, năm 2020;</p> <p>- Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.</p>	Sở Xây dựng; Ban quản lý các Khu công nghiệp
9	1.007408.000.00.00.H03	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B,C		Sở Xây dựng
10	1.007409.000.00.00.H03	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng điều chỉnh cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B,C		
11	1.007394.000.00.00.H03	Cấp chứng chỉ hành nghề HĐXD hạng II, III	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III		
12	1.007396.000.00.00.H03	Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề HĐXD hạng II, III	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III		

STT	Số hồ sơ thủ tục Hành chính	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung thay thế	Cơ quan thực hiện
13	1.007402.000.00.00.H03	Cấp lại chứng chỉ hành nghề HỖXD hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)	<p>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>- Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.</p>	Sở Xây dựng
14	1.007403.000.00.00.H03	Cấp lại chứng chỉ hành nghề HỖXD hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)		
15	1.007399.000.00.00.H03	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề HỖXD hạng II, III	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III		
16	1.007392.000.00.00.H03	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề HỖXD hạng II, III của cá nhân nước ngoài	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân nước ngoài		
17	1.007304.000.00.00.H03	Cấp chứng chỉ năng lực HỖXD hạng II, III	Cấp chứng chỉ năng lực lần đầu hoạt động xây dựng hạng II, hạng III		
18	1.007357.000.00.00.H03	Cấp lại chứng chỉ năng lực HỖXD hạng II, III	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)		
			Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)		
19	1.007391.000.00.00.H03	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực HỖXD hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III		

STT	Số hồ sơ thủ tục Hành chính	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung thay thế	Cơ quan thực hiện
II	Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng				
20	1.002696.000.00.00.H03	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng	Các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
III	Lĩnh vực nhà ở				
21	1.007409.000.00.00.H03	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại được chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư)	Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở	Sở Xây dựng

STT	Số hồ sơ thủ tục Hành chính	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung thay thế	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
I	Lĩnh vực hoạt động xây dựng				
1	1.007255.000.00.00.H03	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	<p>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>- Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng</p>	UBND cấp huyện
2	1.007257.00.00.00.H03	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (khoản 12 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở		
3	1.007262.00.00.00.H03	Cấp GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		

STT	Số hồ sơ thủ tục Hành chính	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung thay thế	Cơ quan thực hiện
4	1.007266.00.00.00.H03	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. 	<p style="text-align: center;">UBND cấp huyện</p>
5	1.007285.00.00.00.H03	Cấp giấy phép di dời công trình đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		
6	1.007286.00.00.00.H03	Điều chỉnh GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình		

STT	Số hồ sơ thủ tục Hành chính	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung thay thế	Cơ quan thực hiện
		GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh	không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		
7	1.007287.00.00.00.H03	Gia hạn GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.	UBND cấp huyện
8	1.007288.00.00.00.H03	Cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		

IV. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
I	Lĩnh vực hoạt động xây dựng			
1	1.006938.000.00.00.H03	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)	Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.	Các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban quản lý các Khu công nghiệp
2	1.007401.000.00.00.H03	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III (đối với trường hợp bị thu hồi theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 44a Nghị định 100/2018/NĐ-CP)		
3	1.007757.000.00.00.H03	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở.	Sở Xây dựng
4	1.007758.000.00.00.H03	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP		

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN				
Lĩnh vực hoạt động xây dựng				
1	1.007254.000.00.00.H03	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.	UBND cấp huyện